

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 8 năm 2020
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Đặng Viết Côi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Lan, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện UH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Khuyển - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2020/QĐHPT-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Lê Thu T** - sinh năm 1986; Nguyên quán và nơi ĐKKHKT: số 1A, P5, nhà D1, số 198 đường NL, phường NL, quận LB, thành phố Hà Nội.

* **Bị đơn:** Anh **Phạm Việt D** - sinh năm 1980; Nguyên quán nơi ĐKKHKT: thôn LX, xã LB, huyện UH, thành phố Hà Nội.

(Chị T có đơn xin vắng mặt; anh D vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, chị Lê Thu T là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Phạm Việt D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường NL năm 2012. Anh chị chung sống được 03 năm đầu về cơ bản là hạnh phúc, thỉnh thoảng mới phát sinh mâu thuẫn nhỏ từ những việc nhỏ nhặt trong cuộc sống nhưng mâu thuẫn xong rồi lại thôi. Tuy nhiên, cách đây khoảng 04 năm thì giữa hai vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân là do anh D thay tính đổi nết, anh D không chịu khó tu chí làm ăn, mãi mê vào chơi bời, công việc của anh D là gì chị cũng không được biết, chỉ biết rằng 04 năm gần đây anh không hỗ trợ chị một đồng nào để lo chi phí sinh hoạt gia đình, mọi việc to lớn trong nhà đều do chị đứng ra gánh vác, anh D chỉ nói với chị rằng hiện tại công việc của anh khó khăn nên

không hỗ trợ chi phí sinh hoạt cho chị được nhưng dù chị có cố gạn hỏi như thế nào về công việc của anh thì anh cũng không nói với chị. Tính nết anh D cũng thay đổi từ đó. Do đó, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần vì mâu thuẫn xảy ra thường xuyên hơn, càng ngày chị càng nhận thấy chị không hiểu chút gì về anh ấy, là vợ anh ấy mà chị không biết hàng ngày anh D đi đâu, với ai, làm gì, niềm tin của chị với anh D ngày một mai một. Mâu thuẫn vợ chồng càng tăng, trầm trọng hơn nên hai vợ chồng chị đã sống ly thân khoảng hơn 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy chị không còn tình cảm gì với anh D nữa, chị cũng không muốn tiếp tục cuộc sống như này nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: chị và anh D có 02 con chung: Phạm Lê Khánh N, sinh ngày 31/5/2012 và Phạm Lê Bảo N1, sinh ngày 04/3/2014. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở với chị. Kể từ khi sống ly thân anh D không một lần đến thăm con. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Hiện nay chị đang làm nhân viên văn phòng của công ty xuất nhập khẩu có địa chỉ tại Đội Cấn – Ba Đình – Hà Nội, thu nhập hàng tháng của chị là 9.000.000 đồng/tháng. Công việc của chị sáng đi làm tối về nhà nên chị có đủ điều kiện để chăm sóc cả hai con.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh chị không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải hai vợ chồng chị vì chị cương quyết giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh D, chị bận công việc, nhà lại ở xa nên để tránh mất thời gian của các bên và của Tòa án chị đề nghị Tòa không tiến hành hòa giải.

Theo Biên bản lấy lời khai ông Phạm Danh H là bố đẻ anh Phạm Việt D trình bày: Năm 2012 gia đình ông tổ chức đám cưới cho chị Lê Thu T và anh Phạm Việt D. Sau khi kết hôn, chị T không chuyển hộ khẩu về nhà ông, chị T và anh D chuyển ra ngoài NL – LB – Hà Nội sinh sống và làm việc ở đó. Về mâu thuẫn vợ chồng chị T anh D cụ thể như thế nào ông cũng không biết, ông chỉ biết giữa hai vợ chồng T D cũng có xảy ra chuyện gì đó nên anh D bỏ về nhà ông ở với vợ chồng ông từ năm 2019 cho đến nay, chị T và anh D sống ly thân đã hơn 01 năm nay. Chị T và anh D có 02 con chung: Phạm Lê Khánh N, sinh ngày 31/5/2012 và Phạm Lê Bảo N1, sinh ngày 04/3/2014. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở với chị T. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh D, quan ddiemr ông và gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ông đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, ông nhận trách nhiệm giao và thông báo lại ngay trong ngày cho anh D được biết. Anh D hiện đang đi làm vắng nhà, thỉnh thoảng có về nhà.

Tại biên bản xác minh ngày 25/6/2020, Chính quyền địa phương xã LB cung cấp: Chị Lê Thu T, sinh năm 1986 là người ở NL – LB – Hà Nội và anh Phạm Việt D, sinh năm 1980 là người ở LX – LB - UH – Hà Nội có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã LB mà đăng ký kết hôn tại UBND phường NL. Sau khi kết hôn hai vợ chồng T D thường xuyên sinh sống ngoài nội thành Hà Nội, thỉnh thoảng mới về nhà anh D ở LX – LB. Cụ thể về mâu thuẫn vợ chồng chị T anh D như thế nào chính quyền địa phương không nắm được chỉ biết khoảng từ năm 2019 anh D về quê nhà sinh sống cùng bố mẹ đẻ nhưng không thấy mẹ con chị T về cùng. Anh Phạm Việt D là con trai ông Phạm Danh H, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú cùng bố mẹ đẻ ở thôn LX, xã LB, huyện UH, thành phố Hà Nội. Anh D trực tiếp sinh sống tại nhà ông H bà Dung (bố mẹ đẻ) từ năm 2019 cho đến nay, tuy nhiên hiện nay anh D đi làm xa nhà, thỉnh thoảng anh D mới về nhà. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh D, quan điểm chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, anh D và chị T đều vắng mặt, chị T có đơn trình bày quan điểm vẫn giữ nguyên ý kiến như nội dung trình bày tại Tòa trước đây và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành các thủ tục theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết cho chị T được ly hôn với anh D; giao cả hai con chung Phạm Lê Khánh N, sinh ngày 31/5/2012 và Phạm Lê Bảo N1, sinh ngày 04/3/2014 cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đ-ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thu T làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện UH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền, Tòa án đã triệu tập anh D đến Tòa để hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh D không hợp tác, không chấp hành, chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thu T và anh Phạm Việt D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường NL ngày 23/3/2012 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do cả hai vợ chồng không cùng nhau chia sẻ dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau và không còn niềm tin ở nhau. Hai vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân, chị T cương quyết xin được ly hôn với anh D. Đối với anh D trong suốt quá trình triệu tập đến Tòa và thông báo hòa giải, làm việc và phiên tòa anh D đều không đến Tòa, vắng mặt không có lý do, thể hiện không hợp tác.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T với anh D là căng thẳng, đã sống ly thân hơn 01 năm, hôn nhân giữa hai vợ chồng thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn gắn kết đời sống chung, tình cảm không còn, không thể kéo dài cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: anh D và chị T có 02 con chung là Phạm Lê Khánh N, sinh ngày 31/5/2012 và Phạm Lê Bảo N1, sinh ngày 04/3/2014, hiện đều đang ở với chị T; Chị T có nguyện vọng sau khi ly hôn được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cho mình. Xét, anh D không đến Tòa để trình bày nguyện vọng, cả hai cháu Phạm Lê Khánh N và Phạm Lê Bảo N1 hiện đều đang ở với chị T, đi học ngoài phường NL, quận LB, thành phố Hà Nội, do đó sau ly hôn nên giao con chung cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật; chị T không có yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh D cho đến khi có thay đổi hoặc có đề nghị mới là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị Lê Thu T không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết. Trường hợp sau ly hôn anh D có yêu cầu, đề nghị giải quyết về việc liên quan đến tài sản, công nợ chung của hai vợ chồng thì dành quyền khởi kiện cho anh D trong vụ án khác.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lê Thu T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thu T được ly hôn anh Phạm Việt D.

2. Về con chung: Chị Lê Thu T và anh Phạm Việt D có 02 con chung: Phạm Lê Khánh N, sinh ngày 31/5/2012 và Phạm Lê Bảo N1, sinh ngày 04/3/2014. Sau ly hôn giao cả hai con chung Phạm Lê Khánh N và Phạm Lê Bảo N1 cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con chung sau khi ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh D cho đến khi có yêu cầu, đề nghị mới hoặc có sự thay đổi khác. Sau ly hôn, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”.

3. Về tài sản, công nợ chung: chị Lê Thu T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thu T phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009716 ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi thường trú./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện ☐ng Hoà;
- Chi cục THA.DS huyện ☐ng Hoà;
- UBND xã nơi Đăng ký kết hôn;
- Các đ-ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện